

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **76/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/3/2022

V/v: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mạnh Khang

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 379/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn Vân Côn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn Mộc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(Bà Th có mặt, ông B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 17/12/2021 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Th bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc B lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2015 tại UBND xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Mộc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội, là nhà của ông B. Đây là lần kết hôn đầu tiên

của bà, còn ông B là lần kết hôn thứ hai và đã giải quyết ly hôn tại TAND huyện Hoài Đức.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông B không tôn trọng bà, thường xuyên có những lời nói và hành động xúc phạm, coi thường bà và gia đình bà, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau. Gia đình nhà chồng cũng góp ý nhiều nhưng chỉ được 1-2 hôm là ông B lại vẫn chứng nào tật đấy. Trong cuộc sống, ông B cũng không quan tâm, yêu thương bà, khiến cuộc sống của bà ngày càng trở nên mệt mỏi, chán nản. Ngoài ra, việc vợ chồng không có con chung khiến cho cuộc sống vợ chồng không có sự gắn kết, không ai quan tâm đến ai. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không khí căng thẳng, ngột ngạt. Năm 2019 vợ chồng cãi nhau, ông B đuổi bà ra khỏi nhà, chờ bà về nhà bố mẹ đẻ bà để trả. Cả gia đình họp và phân tích cho ông B phải trái thì ông B cũng nhận ra cái sai của mình và bà cũng quay trở lại về chung sống với ông B. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì ông B chứng nào tật đấy, vẫn chửi mắng, coi thường bà. Vì vậy mà tháng 6 năm 2021 bà lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông B cũng nhiều lần gọi nhưng bà không muốn về tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vậy. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng chỉ mâu thuẫn nội bộ trong gia đình, không phải nhờ đến chính quyền địa phương hòa giải và can thiệp.

Tháng 11/2021 bà đã nộp đơn xin ly hôn ra TAND huyện Hoài Đức, Tòa án đã phân tích, hòa giải nên bà rút đơn về để khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về tình trạng vợ chồng không thay đổi, vì vậy mà bà lại phải nộp đơn ra Tòa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vô cùng ngột ngạt, mâu thuẫn căng thẳng, bà đã suy nghĩ kỹ, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B. Về con chung: Bà và ông B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nhà ở chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: Vợ chồng xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn – ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Ông kết hôn với bà Th năm 2015 có đăng ký tại UBND xã Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, ông không đuổi nhưng bà Th tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở hơn một năm nay. Khi bà Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở ông nhiều lần gọi nhưng bà Th không về. Nay bà Th xin ly hôn, ông thấy tình cảm giữa ông và bà Th vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Năm 2019 bà Th tự bỏ về nhà mẹ đẻ, sau khi ông khuyên nhủ bà Th trở về đoàn tụ cùng ông. Tháng 6/2021 bà Th lại bỏ về đi lần hai, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, bà Th không quan tâm đến ông nhưng ông vẫn quan tâm bà Th. Mặc dù vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng ông vẫn

còn tình cảm với bà Th. Nếu bà Th cương quyết xin ly hôn thì việc này là của bà Th, ông là người công giáo nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung, vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, ông không đề nghị giải quyết. Về nợ chung, vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ba vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, bà vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th. Con chung, không có; tài sản chung, nhà ở chung, bà Th, ông B không yêu cầu; công nợ, không có. Về án phí, bà Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại thôn Mộc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Ngọc B theo quy định pháp luật nhưng ông B vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2015 tại UBND xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, bà Th kiên quyết xin ly hôn vì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không thành. Ông B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì và ông là người công giáo nên ông không đồng ý ly hôn.

Xét, mặc dù ông B không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng từ khi vợ chồng kết hôn là tháng 12 năm 2015, bà Th đã hai lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở và hai lần bà Th làm đơn xin ly hôn. Năm 2021 bà Th đã nộp đơn xin ly hôn tại TAND huyện Hoài Đức. Tòa án đã hòa giải và phân tích nên bà rút đơn về với mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục cãi vã, bất đồng và bà Th lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Do không thể chấp nhận được cuộc sống chung như vậy nên bà Th lại nộp đơn xin ly hôn. Theo tài liệu do Tòa án thu thập tại địa phương nơi bà Th, ông B sinh sống thể hiện: quá trình chung sống ông bà không có mâu thuẫn gì thể hiện ra bên ngoài nhưng việc bà Th hai lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở là đúng và từ khoảng giữa năm 2021 bà Th về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Do vậy, lời khai của bà Th về mâu thuẫn vợ chồng là phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập và các tài liệu khác do bà Th xuất trình. Ngoài ra, ông B mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng khi Tòa án triệu tập lên để tham gia phiên hòa giải thì ông B lại không đến, cũng không có ý kiến về lý do vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, điều đó thể hiện sự không tích cực trong việc hòa giải để vợ chồng đoàn tụ của ông B. Vì vậy, ý kiến của ông B là không có cơ sở chấp nhận.

Bà Th, ông B kết hôn thời gian không dài nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà Th yêu cầu xin ly hôn ông B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà Th, ông B xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Bà Th, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Bà Th, ông B xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, bà Th, ông B không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Th, ông B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th đối với ông Nguyễn Ngọc B. Bà Th được ly hôn ông B.

2. Về con chung: Bà Th, ông B xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Bà Th, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Bà Th, ông B xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0015407 ngày 16/12/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Nguyễn Thị Th, vắng mặt ông Nguyễn Ngọc B. Bà Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND h.Hoài Đức;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS h.Hoài Đức;
- UBND x.Vân Côn, h.Hoài Đức,
Hà Nội. (Giấy chứng nhận kết hôn
số 81/2015 ngày 14/12/2015).
- Lưu HS, VP.

Phạm Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

